

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HS-ST

Ngày: 17-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Năm
2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tý, bà Nguyễn Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Quốc P; Sinh năm: 1986; Nơi sinh: xã V, huyện C, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp F, xã V, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con của ông Lê Quốc D, sinh năm 1961 (đã chết năm 2020) và bà Võ Thị T, sinh năm 1964; Vợ: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1988 (đã ly hôn năm 2015); Con: Có 01 người, sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo được tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

2. Mai Hữu P1; Sinh năm 1992; Nơi sinh: Thành phố T, tỉnh Long An; Nơi cư trú: 111/3/10, Huỳnh Văn G, phường F, Thành phố T, tỉnh Long An; Nơi cư trú: 111/3/10, Huỳnh Văn G, phường F, Thành phố T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con của ông Mai Hữu T1, sinh năm 1962 và bà Đỗ Thị Kiều T2, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo được tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chung Thị Ngọc T3, sinh ngày 15/3/1980; Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị Bích P2, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn G1, sinh năm : 1974. Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 4 năm 2020, bà Chung Thị Ngọc T3 sinh sống tại ngôi nhà số A, Quốc lộ F, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An được xây dựng trên các thửa đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đều do bà T3 đứng tên cụ thể như sau: Số CE 843548, vào sổ cấp giấy CH 00330 do UBND huyện T cấp ngày 29/12/2016, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 06/02/2020; Số CO 936909, số vào sổ cấp giấy CH 01947 do UBND huyện T cấp ngày 17/12/2016, cập nhật thay đổi chủ sử dụng 06/02/2020; Số CO 936908, số vào sổ cấp giấy CH 01948 do UBND huyện T cấp ngày 18/12/2016, cập nhật thay đổi chủ sử dụng 06/02/2020; Số BX901491, vào sổ cấp giấy CH00170 do UBND huyện T cấp ngày 17/8/2015, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 08/10/2020.

Ngày 01/9/2020, tại Văn phòng C, số A, T, phường B, Thành phố T, tỉnh Long An, bà T3 làm hợp đồng chuyển nhượng cho Lê Quốc P quyền sử dụng đất, nhà ở theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 843548, số CO 936909 và số CO 936908. Ngày 21/12/2020, P đã làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất 03 thửa đất theo giấy chứng nhận trên. Đến ngày 12/01/2021, tại văn phòng C1, số G, Đ, phường B, thành phố T,

tỉnh Long An, bà T3 làm hợp đồng chuyển nhượng cho P quyền sử dụng đất, nhà ở theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX901491. Ngày 01/02/2021, P đã làm thủ tục chỉnh lý biến động trang 4 quyền sử dụng đất.

Đồng thời, ngày 12/01/2021, giữa P và T3 thỏa thuận về việc P cho T3 thuê lại ngôi nhà tại số A, Quốc lộ F, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An để T3 ở, với giá thuê là 5.000.000 đồng/tháng, giữa P và T3 có lập hợp đồng viết giấy tay. Hợp đồng không ghi thời hạn chấm dứt hợp đồng thuê. Trong thời gian thuê nhà của P, T3 chỉ đóng tiền thuê nhà 01 lần, được 01 tháng với số tiền 5.000.000 đồng vào lúc 18 giờ 22 ngày 27/01/2022, bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của P. Do T3 không đóng tiền thuê nhà theo hợp đồng nên P không muốn tiếp tục cho T3 thuê tiếp, P đã nhiều lần yêu cầu T3 chấm dứt hợp đồng thuê nhà và dọn đi, nhưng T3 không đồng ý dọn đi, không trả nhà.

Đến khoảng 08 giờ ngày 18/8/2022, P gọi điện thoại vào số điện thoại di động sim số 0971.310.647 của Mai Hữu P1 nhờ P1 tìm dùm người để đi dọn tài sản của T3 từ bên trong nhà ra ngoài nhằm mục đích lấy lại đất, nhà ở. P1 gọi điện thoại kêu Chuột A (chưa rõ nhân thân, lai lịch) hẹn gặp tại quán cafe trên đường H, Thành phố T, tỉnh Long An để cho P gặp Chuột A thỏa thuận thuê đi dọn tài sản. Sau khi thỏa thuận xong, Chuột A kêu thêm Chuột E, H, D (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cùng đi.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, P1 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI TUCSON 5 chỗ, không rõ biển số (xe P nhận cầm của người khác) chở Chuột A, Chuột E, H, D đi đến nhà T3 đang ở tại số A, Quốc lộ F, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, thì nhìn thấy cửa rào nhà đang đóng khóa, không người trông giữ. P đi xe riêng đến nhìn thấy P1 cùng Chuột A, Chuột E, H, D đang ở trước cửa nhà T3 ở, cửa rào và cửa ra vào nhà đang đóng khóa, P kêu cắt khóa nhà T3 đang ở để vào trong nhà khiêng tài sản của T3 ra ngoài. Sau đó, P đi đến Công an thị trấn T để trình bày việc phi nhận chuyển nhượng đất, mua nhà của T3 và cho T3 thuê lại. H dùng kim cộng lực có sẵn trên xe cắt vòng khóa của ổ khóa cửa rào nhà T3 ở nhưng không cắt đứt rời được, nên chuyển qua cắt đứt hai thanh kim loại của hàng rào. P1 dùng một búa cán bằng gỗ, tròn, dài khoảng 20cm, quả búa bằng kim loại hai đầu tròn, bằng, đường kính khoảng 2cm đập thì mở được ổ khóa cửa rào để vào bên trong. P1 đi lại trụ điện cạnh rào kéo cúp cầu dao điện sinh hoạt trong nhà. Chuột A mở cửa ra vào nhà (loại cửa kéo kim loại), không khóa để vào bên trong nhà. Lúc này, P đã quay trở lại và kêu mang tất cả đồ vật của T3 từ bên

trong nhà T3 đang ở đem ra ngoài để phía trước, rồi P đi qua quán ăn “Tám Giàu” kể bên ngồi ăn. P1 đứng quan sát Chuột A, Chuột E, H, D khiêng mang tài sản ở bên trong nhà T3 đang ở ra bên ngoài gồm: tủ, bàn, ghế, tủ lạnh, dàn máy vi tính để bàn, máy in... đem ra để trên nền nhà phía trước cửa ra vào. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, P đi vào bên trong nhà để kiểm tra, trực tiếp dùng tay tháo dỡ một vách bằng thạch cao của phòng ngủ. Phi kêu tháo dỡ một đi văng và một giường bằng gỗ để xuống nền gạch. Sau đó, một người trong nhóm của Chuột A dùng dây xích và ổ khóa khóa cửa ra vào nhà T3 đang ở lại rồi giao chìa khóa cho P1, P1 giao chìa khóa cho Phi giữ. Phi, P1, Chuột A, Chuột E, H, D cùng đi về Thành phố T, P trả tiền thuê với số tiền 30.000.000 đồng cho P1, P1 đã giao lại cho Chuột A.

Sau sự việc trên, bà T3 đến trình báo Công an và khai còn bị mất số tài sản để trong tủ gồm: Bốn nhẫn vàng 18Kr, không rõ đặc điểm, tổng trọng lượng 3,2 chỉ; Một lắc tay, dạng mắc xích tròn, vàng 18Kr, trọng lượng 2,7 chỉ; Hai chiếc nhẫn tròn, vàng 9999, tổng trọng lượng 2 chỉ; Hai miếng vàng 9999, hình Thần tài, tổng trọng lượng 2 chỉ; Một sợi dây chuyền, dạng bản đẹp, vàng 24Kr, trọng 5 chỉ; Một máy cắt sắt, không rõ nhãn hiệu; Một máy hàn, nhãn hiệu BOSS; Bốn bình rượu, mỗi bình thể tích 8lít ngâm 0,8kg sâm Ngọc L và sâm đương quy; Rượu trong sáu bình nhựa, mỗi bình 30 lít rượu ngâm 3kg trái chuối hột rừng (chuối vẫn còn trong bình); M chín chai rượu, loại chai ½ lít (nửa lít) ngâm chuối hột rừng; Một camera nhãn hiệu Ahua và số tiền 42.000.000 đồng. Về nguồn gốc tài sản của bà T3 trình báo bị mất trộm và hư hỏng nhưng không có hóa đơn, chứng từ, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xác định có số tài sản trên và sự việc bị mất trộm tài sản và bị làm hư hỏng tài sản. Sau đó, T3 đã kiểm tra lại, xác định không bị hư hỏng và mất tài sản gì nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không xem xét xử lý.

Qua điều tra Lê Quốc P, Mai Hữu P1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKSTT, ngày 08/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố bị cáo Lê Quốc P, Mai Hữu P1 về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo đồng thời phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Quốc P, Mai Hữu P1 phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác”.

- Về hình phạt chính:

Đề nghị căn cứ điểm d khoản 1 Điều 158; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 36, 50, 58 Bộ Luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Quốc P từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ;

Đề nghị căn cứ điểm d khoản 1 Điều 158; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 17, 36, 50, 58 Bộ Luật hình sự xử phạt bị cáo Mai Hữu P1 từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về khẩu trừ thu nhập: Viện kiểm sát không đề nghị.

Về vật chứng trong vụ án: Đề nghị tiếp tục lưu giữ hồ sơ chính vụ án 01 đĩa lưu video ghi hình trích xuất từ camera ghi hình tại nhà của bị hại Chung Thị Ngọc T3.

Đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát đã nêu và không có ý kiến tranh luận. Bị hại xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật; xin lỗi đến bị hại, gia đình của bị hại và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Bị cáo Lê Quốc P, Mai Hữu P1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các

tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định được như sau:

Chung Thị Ngọc T3 là chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà và quyền sử dụng đất tại số A, Quốc lộ F, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi T3 chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà cho P, ngày 12/01/2021 P đã lập hợp đồng cho T3 thuê lại căn nhà để ở.

Tại Điều 12 Luật Cư trú quy định: “Chỗ ở hợp pháp là nhà ở, phương tiện hoặc nhà khác mà công dân sử dụng để cư trú. Chỗ ở hợp pháp có thể thuộc quyền sở hữu của công dân hoặc được cơ quan, tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ theo quy định của pháp luật”. Do đó, căn nhà số A, Quốc lộ F, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An là chỗ ở hợp pháp của Chung Thị Ngọc T3. Điều 22 Hiến pháp 2013 định: “Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý”. Đồng thời, trong các quy định về quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê nhà ở tại Điều 10, Điều 11 Luật Nhà ở và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, pháp luật hiện hành không có bất kỳ quy định nào cho phép bên cho thuê nhà ở được tự ý dọn đồ đạc của bên thuê ra ngoài cho dù hợp đồng hết thời hạn hay bên thuê có hành vi vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng. Vụ việc tranh chấp giữa P và bà T3 thuộc loại tranh chấp dân sự liên quan đến hợp đồng thuê nhà. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án. Một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết, thủ tục khởi kiện và giải quyết tranh chấp đã được quy định cụ thể tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, Lê Quốc P đã thông qua Mai Hữu P1 để thuê 04 đối tượng là Chuột A, Chuột E, H, D không rõ nhân thân lai lịch để cùng đi đến ngôi nhà trên do bà T3 đang ở để dọn đồ của bà T3 ra ngoài, mục đích lấy lại nhà đã cho thuê với lý do bà T3 không đóng tiền thuê nhà và không trả lại nhà khi hết thời gian thuê theo hợp đồng. Vào ngày 18/8/2022, khi P, P1 và 04 người được thuê đến ngôi nhà bà T3 đang ở, nhìn thấy cửa rào nhà đang khóa, không người trông giữ, đã tự ý cất khóa xâm nhập vào chỗ ở hợp pháp của bà T3 mà không được sự đồng ý, hay cho phép của bà T3. Phi chỉ đạo những người đi cùng mang đồ vật, tài sản của T3 mang đặt ra bên ngoài của căn nhà, rồi khóa cửa nhà lại, không cho bà T3 tiếp tục sinh sống trong nhà trên.

Hành vi của các bị cáo P, P1 đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của người khác. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo đồng phạm trong thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, không có sự phân công vai trò của từng bị cáo nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Do đó, hành vi của Lê Quốc P và Mai Hữu P1 đã phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An truy tố bị cáo Lê Quốc P và Mai Hữu P1 với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Quốc P và Mai Hữu P1 được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo tự ý cắt khóa vào chỗ ở hợp pháp của người khác chuyển đồ đạc ra ngoài là hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền nhân thân, quyền tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo P sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã khắc phục hậu quả bằng cách chủ động chuyển đồ đạc của bà T3 vào nhà, cho bà T3 tiếp tục ở lại căn nhà và không thu tiền thuê nhà nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Bên cạnh đó, xét thấy các bị cáo nhận nhận thức chưa đúng về quy định của pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thuê nhà nên nhất thời thực hiện hành vi trái pháp luật, vi phạm pháp luật hình sự; đồng thời, nguyên nhân các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ lỗi do vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện hợp đồng dân sự của bị hại Chung Ngọc T3; các bị cáo được bị hại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo P là lao động chính trong gia đình, phải nuôi mẹ và con chưa thành niên do đã ly hôn với vợ, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, các bị cáo Lê Quốc P, Mai Hữu P1 được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội:

Bị cáo Lê Quốc P là người khởi xướng, đồng thời là người thực hành. Bị cáo Mai Hữu P1 là người giúp sức cho bị cáo P nên cần xem xét quyết định hình phạt của bị cáo P cao hơn bị cáo P1.

[7] Xét về nhân thân của bị cáo:

Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Có cơ sở xác định ngoài lần phạm tội này bị cáo và gia đình chấp hành tốt chính sách pháp luật.

[8] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hậu quả của tội phạm đã được khắc phục, các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng có thể giúp cho các bị cáo tự cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

[8] Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ các bị cáo còn có thể bị khấu trừ một phần thu nhập. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không khấu trừ thu nhập.

[9] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: đối với tội “Xâm phạm chỗ ở người khác”, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Bộ Luật hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo không phải là người có chức vụ nào nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Đối với các đối tượng Chuột A, Chuột E, H, D, các bị cáo P, P1 không biết rõ họ tên, nhân thân, lai lịch của những người này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T cũng đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng cũng không xác định được họ tên, nhân thân, lai lịch của bốn người này nên không có cơ sở để xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét xử lý trong vụ án.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra Phi đã khắc phục hậu quả bằng cách cho bà T3 vào ở lại ngôi nhà đã cho thuê, không lấy tiền thuê nhà và dọn đồ vào trong nhà lại cho bà T3 nên bà T3 không có yêu cầu P phải bồi thường trách nhiệm dân sự.

[13] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thu giữ vật chứng là đoạn video thời lượng 02 phút 10 giây và một đoạn video thời lượng 04 phút 29 giây trích xuất từ camera tại nhà bà T3 vào ngày 18/8/2022 ghi lại hình

ảnh của những người đến nhà bà T3 thực hiện hành vi xâm phạm chỗ ở được lưu trữ trong đĩa DVD, cần tiếp tục lưu giữ hồ sơ chính vụ án.

[14] Về án phí: Các bị cáo Lê Quốc P và Mai Hữu P1 mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Quốc P và Mai Hữu P1 phạm tội “Xâm phạm chỗ ở người khác”.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 158; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Quốc P 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Long An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Quốc P cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Long An giám sát, giáo dục.

2.1. Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 158; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Mai Hữu P1 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường F, Thành phố T, tỉnh Long An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Quốc P cho Ủy ban nhân dân phường F, Thành phố T, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự;

Tiếp tục lưu hồ sơ chính vụ án 01 (Một) đĩa DVD lưu trữ 01 (một) đoạn video thời lượng 02 phút 10 giây và 01 (Một) đoạn video thời lượng 04 phút 29 giây trích

xuất từ camera tại nhà bà T3 vào ngày 18/8/2022 ghi lại hình ảnh của những người đến nhà bà T3 thực hiện hành vi xâm phạm chỗ ở.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Lê Quốc P, Mai Hữu P1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- CA huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- UBND xã, phường nơi các b/c cư trú
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

